TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2018
V/v:*"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý
Ông Nguyễn Hữu Trọng
Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **18** tháng **7** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 178/2018/TLST–HNGĐ ngày 12/6/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐHPTST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị TTT**, sinh năm 1979.
Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
Bị đơn: **Anh NVC**, sinh năm 1973.
Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
Chị TTT có mặt
Anh NVC vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị TTT trình bày:***

Về hôn nhân: Chị TTT và anh NVC kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh C tại , huyện Chương Mỹ. Chị TTT lấy anh C là do gia đình mai mối, sau khi chung sống được khoảng 3 đến 4 tháng chị T cảm thấy

không hợp với anh C nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho tới nay và không qua lại với anh C. Nay chị TTT xác định tình cảm vợ chồng không có nên chị xin được ly hôn với anh C để cả hai ổn định cuộc sống.

***Về con chung*:** Chị TTT và anh NVC không có con chung, không có con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về tài sản chung, công nợ chung, công sức*:** Chị TTT không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Biên bản ghi lời khai, anh NVC trình bày:***

Về hôn nhân: Anh NVC thừa nhận toàn bộ lời khai của chị TTT về việc anh C và chị TTT kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ. Anh C thừa nhận anh và chị T kết hôn là do gia đình mai mối, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh C khoảng 2 đến 3 tháng thì chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định anh và chị T không có tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Do anh C theo đạo Thiên Chúa nên anh không ký văn bản, giấy tờ liên quan đến việc ly hôn.

Về con chung: Anh NVC thừa nhận anh C và chị T không có con chung, không có con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về tài sản chung, công nợ chung*:** Anh NVC thừa nhận anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Biên bản ghi lời khai, bà Nguyễn Thị T1, trú tại: , huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội là mẹ đẻ của anh NVC trình bày:*** Bà Nguyễn Thị T1 xác nhận những trình bày của chị T, anh C là đúng, bà đồng ý việc chị T xin ly hôn với anh C nhưng bà và gia đình bà theo đạo Thiên Chúa nên bà và anh C không thể ký các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị TTT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NVC. Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Chị TTT đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NVC chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TTT và cho chị TTT được ly hôn anh NVC; Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:* Anh NVC hiện cư trú tại , huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh NVC: Anh C có ý kiến xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

* *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân: Chị TTT và anh NVC kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống với nhau tại nhà anh C nhưng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn khoảng 3 đến 4 tháng thì chị T về nhà bố mẹ sinh sống cho đến nay. Việc chị T xin ly hôn với anh C phía gia đình anh C và anh C đều đồng ý và không có ý kiến gì.

Xét chị T và anh C không có tình cảm với nhau ngay từ khi kết hôn, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị TTT và cho chị T được ly hôn anh C để cả hai ổn định cuộc sống.

***Về con chung*:** Chị TTT và anh NVC đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

***Về tài sản chung, công nợ chung, công sức*:** Chị TTT và anh NVC không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị TTT phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị TTT được ly hôn anh NVC.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ **300.000** đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003436 ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị TTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** kể từ ngày tuyên án. Anh NVC có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *Ủy ban nhân dân xã Văn Võ, huyện ChươngMỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trọng **Nguyễn Thị Thanh Hà** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA